

RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN IA H'DRAI NĂM 2021 THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Ủy ban nhân dân huyện xác định (ngày kết sổ số liệu thu ngân sách huyện là ngày 20/01/2021)			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó		
			Cấp huyện	Cấp xã	
A	B				
I	Dự toán thu NSDP năm 2021 được hưởng	54,546.00	51,483.83	3,062.17	
	Trong đó:	-			
1	Thu từ hoạt động XSKT	-			
2	Thu tiền SD đất	34,421.00	31,971.00	2,450.00	Dự toán thu tiền sử dụng đất theo số liệu Hội đồng nhân dân huyện giao
3	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	500.00	500.00		
*	Dự toán thu NSDP không kể thu XSKT, tiền sử dụng đất, Phí sử dụng kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ y ...)	19,625.00	19,012.83	612.17	Dự toán thu NSDP không kể thu tiền sử dụng đất, phí môi trường ..
II	Thực hiện thu NSDP năm 2021 (số liệu trên TABMIS, ngày kết sổ là ngày 31/01/2022)	41,885.08	40,030.35	1,854.73	Số thu đã loại trừ thu kết dư ngân sách do đã được xác định phân bổ tại Nghị quyết số 07/NQ-HDND ngày 9/7/2021
1	Các khoản thu không tính cân đối đề nghị được tính trừ trước khi xác định 70% nguồn làm lương	116.31	116.31	-	
a	Các khoản thu địa phương đề nghị tính trừ (Theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC)	116.31	116.31	-	
-	Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2018 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (TM 4914)	-			
-	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã	-			
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	116.31	116.31		
2	Thu cân đối NSDP còn lại	41,768.77	39,914.04	1,854.73	
	Trong đó:	-			
-	Thu tiền sử dụng đất	12,763.66	11,313.25	1,450.42	
-	Thu từ hoạt động XSKT	-			
-	Thu hồi khoản chi năm trước (đơn vị cấp xã nộp trả kinh phí theo kết luận Kiểm toán chương trình MTQG năm 2020, đã được thực hiện nộp trả về ngân sách tỉnh)	195.14	195.14		
**	Thu NSDP năm 2021 không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT, khoản thu hồi đã nộp trả về ngân sách tỉnh	28,809.96	28,405.65	404.31	
III	Tăng (giảm) thu NSDP không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT và số thu được tính trừ nêu trên (**) - (*)	9,185.00	9,393.00	(208.00)	
	Tăng thu	9,185.00	9,393.00	-	
	Giảm thu	-	-	(208.00)	
IV	70% tăng (giảm) thu NSDP hưởng năm 2021 xác định để thực hiện CCTL năm 2022	6,430.00	6,575.00	(146.00)	
V	30% Tăng thu ngân sách còn lại	2,756.00	2,818.00	(62.00)	

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2021
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Thời gian thực hiện dự án theo quy định	Kế hoạch vốn để thực hiện dự án	Kế hoạch vốn dự kiến bố trí	Kế hoạch vốn đã bố trí (2021-2022)								Kinh phí còn thiếu cần bổ sung	Trong đó dự kiến bố trí vốn						Ghi chú	
						Tổng số	Năm 2021				Năm 2022				Tổng số	Năm 2022	Dự kiến Năm 2023					
							Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)	Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí theo Quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND tỉnh	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)	Nguồn phân rã dự toán giao đầu năm 2022				Phân bổ đợt này từ nguồn tăng thu ngân sách huyện	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối		Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí theo Quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND tỉnh
Tổng cộng				13,484	13,484	6,128	2,130	1,240	870	88	930	870	-	7,356	7,356	2,818	1,315	870	2,276			
1	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2021-2023	7,980	7,980	4,300	2,130	1,240			930			3,680	3,680	1000	1,315		1,365			
2	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao du lịch và Truyền thông	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	2022-2023	1,165	1,165	88				88				1,077	1,077	1000				77		
3	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2021-2023	4,339	4,339	1,740			870			870		2,599	2,599	818		870	911			